

**TÒA ÁN NHÂN DÂN
TP. BUÔN MA THUẬT
TỈNH ĐẮK LẮK**

**CỘNG HÒA XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM
Độc lập - Tự do - Hạnh phúc**

Số: 141/2019/DS-ST
Ngày 29/11/2019
*Về việc “Tranh chấp
hợp đồng tín dụng”*

**NHÂN DANH
NƯỚC CỘNG HÒA XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM**

TÒA ÁN NHÂN DÂN TP. BUÔN MA THUẬT, TỈNH ĐẮK LẮK

- Thành phần Hội đồng xét xử sơ thẩm gồm có:

Thẩm phán - Chủ tọa phiên tòa: Ông Y Kam Ênuôl

Các hội thẩm nhân dân:

1. Ông Lê Đình Trung.

2. Ông Lê Phúc Tiếng.

- Thư ký phiên tòa: Bà Hồ Thị Vi - Thư ký Tòa án nhân dân TP. Buôn Ma Thuột.

- Đại diện Viện kiểm sát nhân dân TP. Buôn Ma Thuột tham gia phiên tòa: Bà Vũ Thị Phương Thảo - Kiểm sát viên

Ngày 28/11/2019, tại Tòa án nhân dân TP. Buôn Ma Thuột xét xử sơ thẩm công khai vụ án dân sự thụ lý số: 442/2018/TLST-DS ngày 30/7/2019 về việc “*Tranh chấp hợp đồng tín dụng*”, theo quyết định đưa vụ án ra xét xử số 179/2019/QĐXXST-DS ngày 04/11/2019, Quyết định hoãn phiên tòa số 227/2019/QĐST – DS ngày 22/11/2019 giữa các đương sự:

- Nguyên đơn: Công ty tài chính TNHH HD S.

Địa chỉ: Lầu 8, 9, 10 Tòa nhà G, số 24 C P, phường 6, Quận B, Tp.Hồ Chí Minh.

Người đại diện theo ủy quyền: Chị Nguyễn Thị Mỹ H, sinh năm 1993.

Địa chỉ: Lầu 8, 9, 10 Tòa nhà G, số 24 C P, phường 6, Quận B, Tp.Hồ Chí Minh - Có đơn xin xét xử vắng mặt.

- Bị đơn: Anh Nguyễn Văn D, sinh năm 1987

Địa chỉ: 104 tổ dân phố 5, phường K, thành phố B, tỉnh Đắk Lắk – Vắng mặt.

Người đại diện theo ủy quyền: Ông Nguyễn Văn K.

Địa chỉ: Số nhà 02 đường V, phường T, thành phố B, tỉnh Đắk Lắk – (Từ chối tham gia tố tụng).

NỘI DUNG VỤ ÁN

**** Đại diện nguyên đơn – Công ty tài chính TNHH HD S trình bày:***

Vào ngày 26/11/2016 ông Nguyễn Văn D đã ký đề nghị cấp tín dụng kèm hợp đồng tín dụng số SV005207436 với Công ty Tài chính TNHH HD S để vay mua trả góp xe tải nhãn hiệu DONGBEN 910kg, số khung RM3BACAB2G2103323, số máy LJ465Q-2AE6 G10138037, biển kiểm soát số 47C-146.99 với số tiền vay là 203.000.000 đồng với lãi suất là 22%/năm. Theo đó, ông D có trách nhiệm trả góp trong vòng 60 tháng, mỗi tháng thanh toán là 5.606.639 đồng, tháng cuối thanh toán là 4.028.209 đồng. Kỳ thanh toán đầu tiên vào ngày 25/12/2016 và kỳ thanh toán cuối cùng vào ngày 25/11/2021.

Vào ngày 29/11/2016 ông D đã nhận được số tiền là 203.000.000 đồng, ông D đã thanh toán cho Công ty tài chính HD S tổng cộng là 16 lần với tổng số tiền là 89.708.000 đồng. Trong đó: 35.939.085 đồng tiền gốc và 54.314.915 đồng tiền lãi. Kể từ ngày 25/04/2018 ông D đã không thanh toán cho Công ty tài chính TNHH HD S và hiện nay ông D còn nợ Công ty tài chính TNHH HD S với tổng số tiền là 188.411.188 đồng trong đó: nợ gốc là 167.606.915 đồng, tiền lãi trong hạn: 17.720.907 đồng, tiền lãi quá hạn: 3.083.366 đồng.

Nay, yêu cầu Tòa án nhân dân thành phố Buôn Ma Thuột buộc ông Nguyễn Văn D thanh toán một lần toàn bộ số tiền còn nợ Công ty tài chính TNHH HD S với số tiền là 188.411.188 đồng, trường hợp ông D không thực hiện đầy đủ nghĩa vụ trả nợ cho Công ty tài chính TNHH HD S, thì Công ty có quyền phát mãi tài sản thế chấp để thu hồi nợ, nếu số tiền xử lý tài sản thế chấp không đủ thanh toán hết khoản nợ, thì ông D phải tiếp tục thực hiện nghĩa vụ thanh toán theo thỏa thuận, ngoài ra ông D còn phải chịu lãi suất chậm trả đến khi trả toàn bộ số nợ trên cho Công ty tài chính TNHH HD S.

**** Tại bản tự khai ngày 27/9/2019 đại diện theo ủy quyền của bị đơn trình bày:***

Vào ngày 26/11/2016 ông Nguyễn Văn D có ký đề nghị cấp tín dụng kèm hợp đồng tín dụng số SV005207436 với Công ty Tài chính TNHH HD S để vay mua trả góp xe tải nhãn hiệu DONGBEN 910kg, số khung RM3BACAB2G2103323, số máy LJ465Q-2AE6 G10138037, biển kiểm soát số 47C-146.99 với số tiền vay là 203.000.000 đồng với lãi suất là 22%/năm. Theo đó, ông D có trách nhiệm trả góp trong vòng 60 tháng.

Sau khi hoàn tất hợp đồng ông D đã thanh toán được cho Công ty tài chính TNHH HD S tổng số tiền là 89.708.000 đồng. Việc Công ty tài chính TNHH HD S tính vào tiền gốc và tiền lãi như thế nào ông D không được nắm rõ.

Tại yêu cầu khởi kiện Công ty tài chính TNHH HD S yêu cầu ông D phải thanh toán số nợ gốc còn lại là 167.606.915 đồng và 17.720.907 đồng tiền lãi và

3.038.366 đồng tiền lãi quá hạn. Ông D đồng ý với số nợ trên, tuy nhiên vì lý do ông D làm ăn thua lỗ dẫn đến mất khả năng thanh toán nợ cho Công ty tài chính TNHH HD S, nên ông D đề nghị Công ty tài chính TNHH HD S bớt cho số tiền lãi trong hạn và lãi quá hạn và số tiền gốc ông D sẽ cố gắng thanh toán trong thời gian gần nhất. Đối với tài sản thế chấp ông D đồng ý thỏa thuận cùng với Công ty tài chính TNHH HD S bán phát mãi chiếc xe để thanh toán một phần nghĩa vụ của ông D và giá cả chiếc xe như thế nào do bên Công ty tài chính TNHH HD S và ông D cùng thỏa thuận thống nhất và đề nghị người nhà được trực tiếp mua lại chiếc xe đã thế chấp.

*** Bị đơn - ông Nguyễn Văn D:** Sau khi thụ lý mặc dù đã được Tòa án triệu tập hợp lệ nhiều lần để tham gia các phiên họp công khai chứng cứ, phiên hòa giải nhưng đều vắng mặt không có lý do nên Tòa án nhân dân thành phố Buôn Ma Thuột không thể tiến hành thu thập và ghi ý kiến của ông Nguyễn Văn D.

Tại phiên tòa, đại diện Viện kiểm sát nhân dân TP. Buôn Ma Thuột phát biểu quan điểm như sau:

Về việc tuân theo pháp luật tố tụng của Thẩm phán, HĐXX, Thư ký phiên tòa và của các đương sự trong quá trình giải quyết vụ án kể từ khi thụ lý cho đến trước thời điểm Hội đồng xét xử nghị án đã chấp hành đúng quy định của Bộ luật tố tụng dân sự. Về thời hạn chuẩn bị xét xử: Tòa án đã thực hiện đúng quy định tại điểm a khoản 1 Điều 203 Bộ luật tố tụng dân sự.

Về thẩm quyền giải quyết và quan hệ pháp luật: Đây là “*Tranh chấp về hợp đồng tín dụng*” thuộc thẩm quyền giải quyết của Tòa án nhân dân thành phố Buôn Ma Thuột theo quy định tại khoản 3 Điều 26, điểm a khoản 1 Điều 35 vụ kiện thuộc thẩm quyền giải quyết của Tòa án nhân dân thành phố Buôn Ma Thuột.

Về nội dung vụ án: Sau khi phân tích tài liệu, chứng cứ có lưu trong hồ sơ vụ án, trên cơ sở kết quả hỏi, tranh luận tại phiên tòa, đại diện Viện kiểm sát đề nghị Hội đồng xét xử căn cứ Điều 463, khoản 5 Điều 466, Điều 468 Bộ luật dân sự năm 2015; Khoản 2 Điều 91 Luật tổ chức tín dụng. Chấp nhận yêu cầu khởi kiện của Công ty tài chính TNHH HD S, buộc ông Nguyễn Văn D phải trả cho Công ty tài chính TNHH HD S số tiền nợ gốc là 167.606.915 đồng và lãi suất theo quy định của pháp luật. Trường hợp ông D không thực hiện đầy đủ nghĩa vụ trả nợ cho Công ty tài chính TNHH HD S thì Công ty có quyền phát mãi tài sản thế chấp để thu hồi nợ, nếu số tiền xử lý tài sản thế chấp không đủ thanh toán hết nợ thì ông D phải tiếp tục thực hiện nghĩa vụ thanh toán theo thỏa thuận.

Bị đơn – ông Nguyễn Văn D phải chịu án phí dân sự sơ thẩm theo quy định của pháp luật.

NHẬN ĐỊNH CỦA TÒA ÁN

Sau khi nghiên cứu các tài liệu, chứng cứ có trong hồ sơ vụ án và căn cứ vào kết quả thẩm tra công khai các tài liệu, chứng cứ tại phiên tòa, Hội đồng xét xử nhận định:

[1]. Quan hệ pháp luật tranh chấp: Căn cứ nội dung đơn khởi kiện, hồ sơ vụ án thì nguyên đơn - Công ty tài chính TNHH HD S yêu cầu Tòa án nhân dân thành phố Buôn Ma Thuột buộc bị đơn – ông Nguyễn Văn D phải trả toàn bộ số tiền nợ gốc là 167.606.915 đồng và 17.720.907 đồng tiền lãi và 3.038.366 đồng tiền lãi quá hạn cho Công ty tài chính TNHH HD S. Do đó, Hội đồng xét xử xác định quan hệ pháp luật tranh chấp trong vụ án là “*Tranh chấp về hợp đồng tín dụng*”.

[2]. Về thẩm quyền giải quyết: Bị đơn – Ông Nguyễn Văn D có nơi cư trú tại thành phố Buôn Ma Thuột, tỉnh Đắk Lắk nên yêu cầu khởi kiện của nguyên đơn thuộc thẩm quyền giải quyết của Tòa án nhân dân thành phố Buôn Ma Thuột theo quy định tại khoản 3 Điều 26, điểm a khoản 1 Điều 35 và điểm a khoản 1 Điều 39 của Bộ luật tố tụng dân sự.

[3]. Về trình tự thủ tục tố tụng: Trong quá trình giải quyết vụ án xét thấy người đại diện theo ủy quyền của bị đơn và bị đơn đã được Tòa án triệu tập hợp lệ nhiều lần, đồng thời tiến hành tổng đạt các văn bản tố tụng trực tiếp cho các đương sự biết để tham gia tố tụng tại Tòa án để tiến hành phiên họp công khai chứng cứ, các phiên hòa giải, nhưng vẫn vắng mặt không có lý do. Do đó, Tòa án xác định đây là vụ án không thể tiến hành hòa giải được, được quy định tại khoản 1 Điều 207 Bộ luật tố tụng dân sự.

Về sự vắng mặt của đại diện theo ủy quyền của bị đơn và bị đơn – ông Nguyễn Văn D tại phiên Tòa: Trước khi xét xử sơ thẩm ông Nguyễn Văn K là đại diện theo ủy quyền của ông D có đơn từ chối tham gia tố tụng và đề nghị Tòa án triệu tập ông Nguyễn Văn D để tham gia tố tụng trực tiếp tại Tòa án, sau đó Tòa án đã tiến hành tổng đạt hợp lệ các văn bản tố tụng trực tiếp cho ông D. Tuy nhiên, tại phiên tòa sơ thẩm ông D vẫn vắng mặt lần hai không có lý do. Do đó, căn cứ vào điểm b khoản 2 Điều 227 và khoản 3 Điều 228 của Bộ luật tố tụng dân sự, Tòa án nhân dân thành phố Buôn Ma Thuột xét xử vắng mặt ông D là đúng quy định của pháp luật. Đối với Công ty tài chính TNHH HD S trước khi xét xử sơ thẩm người đại diện theo ủy quyền có đơn xin xét xử vắng mặt nên Tòa án tiến hành xét xử vắng mặt bị đơn là phù hợp với khoản 1 Điều 228 bộ luật tố tụng dân sự.

[3]. Về nội dung tranh chấp:

Vào ngày 26/11/2016 ông Nguyễn Văn D đã ký đề nghị cấp tín dụng kiêm hợp đồng tín dụng số SV005207436 với Công ty Tài chính TNHH HD S để vay mua trả góp xe tải nhãn hiệu DONGBEN 910kg, số khung RM3BACAB2G2103323, số máy LJ465Q-2AE6 G10138037, biên kiểm soát số 47C-146.99 với số tiền vay là 203.000.000 đồng với lãi suất là 22%/năm. Quá trình thực hiện hợp đồng ông D đã thanh toán cho Công ty tài chính HD S tổng

cộng là 16 lần với tổng số tiền là 89.708.000 đồng. Trong đó: 35.939.085 đồng tiền gốc và 54.314.915 đồng tiền lãi. Kể từ ngày 25/04/2018 ông D đã không thanh toán cho Công ty tài chính TNHH HD S và hiện nay ông D còn nợ Công ty tài chính TNHH HD S với tổng số tiền là 188.411.188 đồng trong đó: nợ gốc là 167.606.915 đồng, tiền lãi trong hạn: 17.720.907 đồng, tiền lãi quá hạn: 3.083.366 đồng. Quá trình làm việc các bên đều thừa nhận khoản nợ này nên Công ty tài chính TNHH HD SAIGON khởi kiện ông Nguyễn Văn D phải trả số tiền là 188.411.188 đồng. trong đó: nợ gốc là 167.606.915 đồng, tiền lãi trong hạn: 17.720.907 đồng, tiền lãi quá hạn: 3.083.366 đồng là có căn cứ.

Theo nội dung đơn khởi kiện thì Công ty tài chính TNHH HD SAIGON chỉ yêu cầu ông Nguyễn Văn Dũng nợ gốc là 167.606.915 đồng, tiền lãi chưa được thanh toán kể từ ngày 25/4/2018 đến ngày 25/9/2018 với số tiền là 17.720.907 đồng, tiền lãi quá hạn chưa thanh toán từ ngày 25/4/2018 đến ngày 25/8/2018 với số tiền là 3.083.366 đồng. Xét thấy đây là yêu cầu tự nguyện của Công ty tài chính TNHH HD S nên Hội đồng xét xử cần chấp nhận.

Đối với tài sản thế chấp: Khi vay ông D có thế chấp chiếc xe ô tô tải nhãn hiệu DONGBEN 910kg, số khung RM3BACAB2G2103323, số máy LJ465Q-2AE6 G10138037, biển kiểm soát số 47C-146.99 theo hợp đồng thế chấp số SV005207436 ngày 27/11/2016 cho Công ty tài chính TNHH HD S, khi ký hợp đồng này các bên tự nguyện thỏa thuận và lập thành bằng văn bản và được đăng ký giao dịch bảo đảm tại trung tâm đăng ký giao dịch tài sản tại thành phố Hồ Chí Minh chứng nhận. Do đó, Hội đồng xét xử xác định tài sản ông D thế chấp cho Công ty tài chính TNHH HD S là đúng. Vì vậy, trong trường hợp ông Dũng không thực hiện nghĩa vụ trả nợ gốc và nợ lãi theo hợp đồng tín dụng thì Công ty tài chính TNHH HD S có quyền yêu cầu Cơ quan thi hành án kê biên, phát mại toàn bộ tài sản thế chấp ở trên để thu hồi nợ. Trường hợp tài sản thế chấp bán phát mãi không đủ để trả nợ cho Công ty tài chính TNHH HD S thì ông D có nghĩa vụ tiếp tục trả nợ cho Công ty tài chính TNHH HD S đến khi trả hết nợ.

[5]. Về án phí: Do đơn khởi kiện được chấp nhận nên nguyên đơn Công ty tài chính TNHH HD S không phải chịu tiền án phí dân sự sơ thẩm theo quy định của pháp luật và được nhận lại số tiền tạm ứng án phí đã nộp 4.710.000 đồng tại chi Cục Thi hành án dân sự thành phố Buôn Ma Thuột theo biên lai số AA/2019/0002034 ngày 22/7/2019.

Bị đơn - ông Nguyễn Văn D phải chịu án phí dân sự sơ thẩm đối với tổng số tiền còn nợ cụ thể là: 188.411.188 đồng x 5% = 9.420.500 đồng.

Vì các lẽ trên:

QUYẾT ĐỊNH

Căn cứ khoản 3 Điều 26, điểm a khoản 1 Điều 35 và điểm a khoản 1 Điều 39; Điều 147, Điều 227, Điều 228, Điều 271 và Điều 273 của Bộ luật tố tụng dân sự;

Căn cứ Điều 317, Điều 318, Điều 320, Điều 323, Điều 357, Điều 463, Điều 465, Điều 466, Điều 468 Bộ luật dân sự năm 2015

Áp dụng nghị quyết 326/2016/UBTVQH14 ngày 30/12/2016 của UBTVQH quy định về mức thu, miễn, giảm, thu, nộp, quản lý và sử dụng án phí và lệ phí Tòa án.

Tuyên xử:

1. Chấp nhận đơn khởi kiện của nguyên đơn Công ty tài chính TNHH HD S.

Buộc ông Nguyễn Văn D có nghĩa vụ trả cho Công ty tài chính TNHH HD S toàn bộ tổng số tiền là 188.411.188 đồng. trong đó: nợ gốc là 167.606.915 đồng, tiền lãi chưa được thanh toán kể từ ngày 25/4/2018 đến ngày 25/9/2018 với số tiền là 17.720.907 đồng, tiền lãi quá hạn chưa thanh toán từ ngày 25/4/2018 đến ngày 25/8/2018 với số tiền là 3.083.366 đồng.

Kể từ ngày tiếp theo của ngày xét xử sơ thẩm cho đến khi thi hành án xong, bên phải thi hành án còn phải chịu khoản tiền lãi của số tiền còn phải thi hành án theo mức lãi suất được quy định tại khoản 2 Điều 468 Bộ luật dân sự năm 2015.

2. Về tài sản thế chấp: Trong trường hợp ông Nguyễn Văn D không thực hiện nghĩa vụ trả nợ thì Công ty tài chính TNHH HD S, được quyền yêu cầu thi hành án dân sự có thẩm quyền kê biên, phát mãi tài sản thế chấp là chiếc xe ô tô tải nhãn hiệu DONGBEN 910kg, số khung RM3BACAB2G2103323, số máy LJ465Q-2AE6 G10138037, biển kiểm soát số 47C-146.99. Trường hợp tài sản thế chấp bán phát mãi không đủ để trả nợ cho Công ty tài chính TNHH HD S thì ông D có nghĩa vụ tiếp tục trả nợ cho Công ty tài chính TNHH HD S đến khi trả hết nợ.

3. Về án phí:

- Bị đơn ông Nguyễn Văn D phải chịu 9.420.500 đồng án phí dân sự sơ thẩm.

- Nguyên đơn Công ty tài chính TNHH HD S không phải chịu tiền án phí dân sự sơ thẩm theo quy định của pháp luật và được nhận lại số tiền tạm ứng án phí đã nộp 4.710.000 đồng tại chi Cục Thi hành án dân sự thành phố Buôn Ma Thuột theo biên lai số AA/2019/0002034 ngày 22/7/2019.

Nguyên đơn, bị đơn được quyền kháng cáo bản án sơ thẩm trong thời hạn 15 ngày kể từ ngày nhận được bản án hoặc bản án được niêm yết hợp lệ.

“Trường hợp bản án, quyết định được thi hành theo quy định tại Điều 2 Luật Thi hành án dân sự thì người được thi hành án dân sự, người phải thi hành án dân sự có quyền thỏa thuận thi hành án, quyền yêu cầu thi hành án, tự nguyện thi hành án hoặc bị cưỡng chế thi hành án theo quy định tại các Điều 6; Điều 7 và Điều 9 Luật Thi hành án dân sự; thời hiệu thi hành án được thực hiện theo quy định tại Điều 30 Luật Thi hành án dân sự.”

*** Nơi nhận:**

- TAND tỉnh Đắk Lắk;
- VKSND Tp. BMT;
- Chi cục THADS Tp.BMT;
- Các đương sự;
- Lưu hồ sơ, TA.

**TM. HỘI ĐỒNG XÉT XỬ SƠ THẨM
THẨM PHÁN –CHỦ TỌA PHIÊN TÒA**

Y Kam Ênuôl